

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T theo yêu cầu của Tòa án:*
Luật sư **Võ Văn T**, Luật sư Văn phòng Luật sư T và cộng sự, Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Thu M, bị Tòa án cấp sơ thẩm xử 15 năm tù nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 06 giờ 30 phút ngày 14/9/2019, tại ngã tư đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giao với đường T thuộc xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, Công an thành phố Đà Nẵng bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T về hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, tang vật thu giữ:

- 01 gói ni long màu trắng kính thước (7x10) cm bên trong chứa các tinh thể rắn màu trắng.

- 01 gói ni long màu trắng kích thước (7x10) cm bên trong chứa 205 viên nén màu xanh.

Hai mục trên được niêm phong theo quy định ký hiệu A.

- 01 hộp giấy kích thước (3,5x6,5x15) cm.

- 01 bao nylon màu đen,

- 01 điện thoại di động có dòng chữ Iphone màu hồng, gắn sim: 0767221034, số Imel: 353292070330010.

- 01 điện thoại di động Nokia đã thay vỏ bằng gỗ, gắn sim: 0886681068, số Imel: 357256059933553.

- Số tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tại kết luận giám định số 266/GĐ-MT ngày 19.9.2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu A1: 49,944 gam.

- Các viên nén màu xanh trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu A2: 62,243 gam.

Qua điều tra xác định:

Vào khoảng tháng 7/2019, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thu M gặp và uống cà phê với nhau. Tại đây, T hỏi M có quen biết ai ở thành phố Hồ Chí Minh bán ma túy không? M trả lời là có quen mấy người em lúc trước có “đi

bay” với nhau (sử dụng ma túy với nhau) trong Sài Gòn, nếu T muốn mua thì hai chị em cùng vào Sài Gòn đi chơi một chuyến rồi gặp mấy đứa em thì M sẽ giới thiệu cho, còn hiện tại thì M không có số điện thoại nên không liên hệ được. M hỏi T mục đích mua ma túy để làm gì thì T trả lời mua ma túy để sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm tiền trang trải cuộc sống. Rồi T hẹn ngày mai hai chị em sẽ đi, nhưng vì T chưa có đủ tiền nên không đi được. Đến tối ngày 10/9/2019 Nguyễn Văn T đến gặp trực tiếp Nguyễn Thị Thu M tại quán nhậu trên đường P, quận L, thành phố Đà Nẵng thì T đề cập lại chuyện đi vào thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy, M đồng ý và hẹn ngày mai sẽ cùng đón xe đi, trong lúc nhậu thì M thấy tiền của T trong túi quần nên đã lấy cất giữ giúp T, với số tiền khoảng 47.000.000đ (bốn mươi bảy triệu đồng).

Sáng ngày 11/9/2019 T và M uống cà phê tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, M đặt mua 02 vé xe khách của nhà xe C, đi thành phố Hồ Chí Minh. Đến 9 giờ 30 phút cùng ngày, M và T ra khu vực đường Đ, gần tượng đài M, thành phố Đà Nẵng để đón xe đi thành phố Hồ Chí Minh.

Sáng ngày 12/9/2019 T và M đến Thành phố Hồ Chí Minh, rồi đi taxi đến khách sạn N, địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh để ở (M là người hướng dẫn tài xế xe taxi đi đến khách sạn và sử dụng giấy chứng minh nhân dân của M để thuê phòng). Đến chiều ngày 12/9/2019 M gọi điện cho một người em tên H (không rõ nhân thân lai lịch) đến gặp. Sau đó, H đi xe ô tô (không rõ biển số) đến đón M và T về nhà H (không rõ địa chỉ), tại đây H gọi điện cho một người tên H1 (không rõ nhân thân lai lịch) đến nhà, điện xong thì H nói cho M biết, rồi M nói lại với T: “Tí nữa H1 đến, có gì em cứ trao đổi trực tiếp với H1 đi”.

Một lúc sau, H1 đến nhà H, thì T gặp trực tiếp và hỏi mua 40.000.000 đồng ma túy loại thuốc lắc và Ketamine. H1 đồng ý bán và nói với T: “Em có cực khổ lắm không mà lâm vào con đường này, mấy thằng em của anh làm mấy cái này đã bị bắt hết rồi”. T trả lời: “Em cũng biết như vậy, nhưng do hiện giờ em khổ quá, nên mới phải làm liều, anh giúp em một lần này thôi”. Sau đó, H1 đi lấy ma túy. Trong thời gian H1 đi lấy ma túy thì M đưa lại cho T 40.000.000đ để T trả tiền mua ma túy (M vẫn còn giữ lại một ít tiền để chi tiêu cho việc ăn uống, sinh hoạt). Khoảng 2 giờ sau H1 quay lại nhà H rồi đưa cho T một hộp giấy và nói bên trong có 200 viên thuốc lắc và 10gam Ketamine. T mở hộp giấy ra kiểm tra thì thấy có một gói thuốc lắc màu xanh và một gói Ketamine nhưng T không đếm lại. T đưa H1 40.000.000 đồng. Lúc này M đang ngồi cùng bàn với T và H1 nên nhìn thấy toàn bộ sự việc. Giao dịch xong, H1 ra về, còn T và

M thì quay về khách sạn. Đến sáng ngày 13/9/2019 T và M đón xe khách P từ thành phố Hồ Chí Minh về thành phố Đà Nẵng mang theo toàn bộ số ma túy mới mua được, đến 06 giờ 30 phút ngày 14/9/2019, T và M về đến ngã tư đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giao với đường T thuộc xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thì bị Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang T, tạm giữ toàn bộ số ma túy.

Ngày 07/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành bắt bị can Nguyễn Thị Thu M để tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Toàn bộ chi phí ăn uống, sinh hoạt, đi lại của quá trình T và M vào Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy là dùng tiền của T để chi trả. Nhưng có lúc T là người đưa tiền, có lúc M là người đưa tiền (vì M cất giữ tiền giúp T).

Ngoài ra vào khoảng tháng 8/2019, một người tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) điện thoại cho T hỏi mua ma túy, nhưng T không có nên điện thoại cho một người tên “Bi” (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 05 (năm) gam Ketamine và 10 (mười) viên thuốc lắc, cả hai thống nhất giá là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Mua xong T bán lại cho T1 số ma túy này với giá 8.500.000đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng). T hẹn giao dịch với hai người này đều trên đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận mục đích mua số ma túy trên là để về thành phố Đà Nẵng vừa sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lời; Nguyễn Thị Thu M cũng đã thừa nhận việc giúp sức cho T vào Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy về bán lại cho người khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 17 (Mười bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/09/2019.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng quá trình điều tra, giải quyết vụ án, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo. Tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo 17 năm tù là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư, quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 14/09/2019, tại ngã tư đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giao với đường T thuộc xã H, huyện H, Tp. Đà Nẵng; Công an Tp Đà Nẵng bắt quả tang Nguyễn Văn T đang có hành vi tàng trữ ma túy trong người thu giữ: 01 gói ni long màu trắng kích thước (7x10)cm bên trong chứa các tinh thể rắn màu trắng và 01 gói ni long màu trắng kích thước (7x10)cm bên trong chứa 205 viên nén màu xanh và một số vật dụng khác là 2 điện thoại di động và 1.000.000 đồng tiền Việt Nam; đi cùng với T là Nguyễn Thị Thu M đang cùng ngồi trên xe khách Phi Long BKS 75B - 013.94 đi từ Tp. Hồ Chí Minh về Đà Nẵng.

Tại kết luận giám định số 266/GĐ-MT ngày 19/09/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, xác định: Tinh thể rắn màu trắng

trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu A1: 49,944 gam; Các viên nén màu xanh trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu A2: 62,243 gam. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự thì tổng tỷ lệ phần trăm là: $62,243\text{gam}/100 \times 100 + 49,94\text{gam}/300 \times 100 = 62,24\% + 16,65\% = 78,89\%$ (Dưới 100%).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T xác định số ma túy bị bắt giữ là của bị cáo bỏ tiền ra mua của một người tên H1 với giá 40.000.000 đồng, mục đích T mua ma túy là mang về Đà Nẵng để vừa sử dụng và bán lại để kiếm lời; T xác định M biết được mục đích của T mua ma túy về để sử dụng và bán lại; M là người môi giới, giới thiệu để T mua ma túy từ tên H1 là bạn của một người tên H tại Tp. Hồ Chí Minh (H là người quen của M), khi T giao dịch mua ma túy từ H1 thì M có biết và chứng kiến toàn bộ; quá trình di chuyển từ Đà Nẵng vào Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 10/09/2019 và từ Tp. Hồ Chí Minh về Đà Nẵng ngày 13/09/2019 chính M là người dùng tiền T đưa để mua vé xe khách và dùng chứng minh nhân dân của M để thuê khách sạn lưu trú tại Tp. Hồ Chí Minh, nếu không có M giới thiệu thì T cũng không thể mua được ma túy từ H1. Bị cáo M cũng thừa nhận biết được mục đích của T là mua ma túy về sử dụng và bán lại kiếm lời, thừa nhận có giúp sức cho T trong việc vào Tp. Hồ Chí Minh mua ma túy về để bán, xác định nếu không có M giới thiệu thì T cũng không thể mua được ma túy từ H1.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, T còn tự khai nhận vào tháng 8/2019 có mua ma túy (thuốc lắc và Katemin) từ một người tên Bi (không rõ lai lịch) với giá 6.500.000 đồng bán lại cho T1 (cũng không rõ lai lịch) với giá 8.500.000 đồng, hưởng lợi 2.000.000 đồng.

Với hành vi phạm tội đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có mức phạt tù từ 15 năm đến 20 năm tù; xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc. Trong vụ án này, bị cáo T là người có vai trò chính, bỏ tiền ra mua ma túy về với mục đích

để sử dụng và để bán lại cho các con nghiện để kiếm lợi nhuận. Khi xét xử sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, như: khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo tự thú khai ra lần phạm tội vào tháng 08/2019 khi cơ quan điều tra chưa phát hiện, bị cáo có thời gian 02 năm tham gia nghĩa vụ quân sự, gia đình khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng là “tái phạm” và “phạm tội từ hai lần trở lên”, theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 17 năm tù là tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả vụ án. Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận trên đây, thấy Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác T), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 17 (Mười bảy) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/09/2019.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP. Đà Nẵng ;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cường